

Số:06/BC-KT

Phúc Xuân, ngày 21 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG NĂM 2021

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản Công năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung của định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

UBND xã Phúc Xuân báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2020 cụ thể như sau:

I. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2021 của UBND xã Phúc Xuân:

a. Thực trạng công tác quản lý, sử dụng tài sản công: UBND xã Phúc Xuân đã thực hiện quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng quy định. Hàng năm đã thực hiện báo cáo kiểm kê tài sản cố định do đơn vị quản lý, sử dụng.

Tài sản công của UBND xã được quản lý thống nhất, có sự phân công, phân cấp quyền hạn, trách nhiệm giữa chủ tịch UBND xã với các bộ phận, tổ chức đoàn thể, cá nhân được giao trực tiếp sử dụng tài sản.

Tài sản công được đầu tư, trang bị, sử dụng đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ bảo đảm công bằng, hiệu quả và tiết kiệm; được bảo dưỡng, sửa chữa và bảo vệ theo chế độ quy định.

Việc xác định giá trị tài sản công trong các quan hệ mua, bán, thanh lý được thực hiện theo cơ chế thị trường và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai, minh bạch trong việc quản lý sử dụng tài sản công theo quy định. Mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý sử dụng tài sản công phải bị xử lý nghiêm minh.

b. Đánh giá mặt tích cực, hiệu quả và tồn tại trong công tác quản lý và sử dụng tài sản công của UBND xã Phúc Xuân:

Việc mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản nhà nước của đơn vị đều thực hiện theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục quy định và được công khai trong đơn vị. Tài sản được quản lý và sử dụng đúng mục đích, không sử dụng tài sản nhà nước để cho thuê, chuyển làm cơ sở kinh doanh, dịch vụ trái quy định.

Công tác báo cáo đăng ký kê khai và công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được đơn vị quan tâm thực hiện theo đúng quy định.

Song song với những mặt đã đạt được như đã nêu trên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như:

- Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản chưa được kịp thời.

c. Tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về quản lý, sử dụng tài sản công: Trong năm đơn vị không vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

II. Kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác công khai, quản lý và sử dụng tài sản nhà nước.

- Thường xuyên hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc cập nhật, quản lý, theo dõi tài sản công theo đúng quy định, tránh làm thất thoát hoặc sử dụng tài sản không đúng mục đích và không hiệu quả.

Trên đây báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2021 của UBND xã Phúc Xuân ./.

Nơi nhận:

- UBND TP Thái Nguyên;
- Phòng Tài chính- Kế hoạch TP;
- TT Đảng ủy xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đông

BÁO CÁO TÀI SẢN NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG

Thời điểm báo cáo: 31/12/2021

Chi tiết tài sản đến bậc: 6

ĐVT cho: Diện tích đất là: m²; Diện tích nhà là: m²; Số lượng là: Cái/ Chiếc; Giá trị là: Đồng

Tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Cấp nhà hoặc số chỗ ngồi, tài trọng hoặc thông số kỹ thuật	Số tầng	Số lượng tài sản	Diện tích	Tỷ lệ chất lượng còn lại (%)	Nguyên giá			Giá trị còn lại
							Tổng cộng	Trong đó		
								Ngân sách	Nguồn khác	
Đất				1	8.947,00		12.659.600.000	12.659.600.000		12.659.600.000
Đất trụ sở				1	8.947,00		12.659.600.000	12.659.600.000		12.659.600.000
Đất	2013			1	8.947,00	100	12.659.600.000	12.659.600.000		12.659.600.000
Nhà, công trình xây dựng				5	1.372,55		6.006.394.996	6.006.394.996		3.584.302.631
Nhà cấp IV				5	1.372,55		6.006.394.996	6.006.394.996		3.584.302.631
Nhà văn hóa và khu thể thao xã Phúc Xuân, TP Thái Nguyên	2019	Nhà cấp IV	1	1	300,00	80	4.172.536.996	4.172.536.996		3.337.612.343
Nhà A	1996	Nhà cấp IV	2	1	501,00		277.136.000	277.136.000		
Nhà làm việc, hội trường 2 tầng UBND xã	2008	Nhà cấp IV	2	1	500,00	15	1.200.324.000	1.200.324.000		177.767.984
Nhà vệ sinh trụ sở UBND xã	2008	Nhà cấp IV	1	1	31,55	15	87.402.000	87.402.000		12.944.236
Nhà tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ	2009	Nhà cấp IV	1	1	40,00	21	268.996.000	268.996.000		55.978.068
Vật kiến trúc				8	11.270,00		16.068.189.493	16.068.189.493		12.034.247.955
Kè, đập, đê, cống, kênh, mương máng, bến cảng, ụ tàu				1	1.000,00		346.680.000	346.680.000		294.678.000
Kênh mương dẫn nước nội đồng xã Phúc Xuân hạng mục Xóm Cao Khánh, Dộc Lầy	2019			1	1.000,00	85	346.680.000	346.680.000		294.678.000
Giếng khoan, giếng đào, tường rào				1	1.200,00		2.386.595.025	2.386.595.025		1.670.616.518
Xây dựng hàng rào, sân bê tông, kè đá, đường vào trung tâm thể thao nhà văn hoá xã Phúc Xuân	2019			1	1.200,00	70	2.386.595.025	2.386.595.025		1.670.616.518
Các vật kiến trúc khác				6	9.070,00		13.334.914.468	13.334.914.468		10.068.953.437
Sân vận động	1995			1	3.000,00		74.400.000	74.400.000		

Đường bê tông xã Phúc Xuân hạng mục xóm Đồng Lạnh- Dộc Lầy	2019		1	1.200,00	70	6.272.343.769	6.272.343.769	4.390.640.638
Trụ sở nhà để xe	2014		1	70,00	20	101.000.000	101.000.000	20.200.000
Đường bê tông xã Phúc Xuân hạng mục xóm Đồng Kiệm - Núi	2019		1	1.000,00	70	894.834.000	894.834.000	626.383.800
Đường bê tông xi măng xã Phúc Xuân năm 2019:Hạng mục xóm Đồng Kiệm, Xuân Hòa, Núi Nền,	2021		1	3.700,00	90	5.590.809.999	5.590.809.999	5.031.728.999
Sân, công hàng rào UBND	2009		1	100,00		401.526.700	401.526.700	
Máy móc, thiết bị			18			269.190.000	269.190.000	85.092.000
Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến			16			225.290.000	225.290.000	64.312.000
Máy vi tính để bàn			11			166.810.000	166.810.000	39.628.000
Bộ máy tính phục vụ công tác Đảng	2017		1			13.100.000	13.100.000	
Máy vi tính để bàn	2019		1		40	13.190.000	13.190.000	5.276.000
Xã Phúc Xuân - Thành phố Thái Nguyên	2021		1		80	12.500.000	12.500.000	10.000.000
Bộ máy vi tính	2019		1		40	13.190.000	13.190.000	5.276.000
Bộ máy tính phục vụ công tác Đảng	2017		1			13.100.000	13.100.000	
Máy tính xách tay	2012		1			39.900.000	39.900.000	
Máy vi tính	2019		1		40	13.190.000	13.190.000	5.276.000
Bộ máy tính	2020		1		60	11.500.000	11.500.000	6.900.000
Bộ máy tính	2020		1		60	11.500.000	11.500.000	6.900.000
Máy vi tính xách tay ASUS	2009		1			12.260.000	12.260.000	
Máy vi tính để bàn công an xã	2017		1			13.380.000	13.380.000	
Bộ bàn ghế ngồi làm việc trang bị cho các chức danh			1			5.000.000	5.000.000	
ghế xoay thủy lực	2012		1			5.000.000	5.000.000	
Bộ bàn ghế tiếp khách			2			20.000.000	20.000.000	7.500.000
Bộ bàn ghế tiếp khách(1 cửa)	2018		1		50	15.000.000	15.000.000	7.500.000
Bàn ghế già Đồng Kỵ	2007		1			5.000.000	5.000.000	
Bàn ghế họp			1			12.000.000	12.000.000	

Bàn phòng họp hội trường hình Elip	2012			1			12.000.000	12.000.000		
Máy scan				1			21.480.000	21.480.000		17.184.000
Máy scan	2021			1		80	21.480.000	21.480.000		17.184.000
Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị				2			43.900.000	43.900.000		20.780.000
Máy móc, thiết bị khác phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị				2			43.900.000	43.900.000		20.780.000
Máy chiếu				1			13.900.000	13.900.000		2.780.000
Máy chiếu	2018			1		20	13.900.000	13.900.000		2.780.000
Thiết bị âm thanh				1			30.000.000	30.000.000		18.000.000
Bộ âm ly loa đài	2020			1		60	30.000.000	30.000.000		18.000.000
Tài sản cố định vô hình				1			12.000.000	12.000.000		7.200.000
Phần mềm tin học				1			12.000.000	12.000.000		7.200.000
Phần mềm quản lý ngân sách dự án đầu tư Pabmis	2020			1		60	12.000.000	12.000.000		7.200.000
Tài sản cố định đặc thù				4			36.800.000	36.800.000		36.800.000
Văn phòng Đảng ủy	2018			1		100	9.950.000	9.950.000		9.950.000
Máy tính phòng CT UBMTTQ	2018			1		100	8.400.000	8.400.000		8.400.000
Phòng phó BT TT	2018			1		100	9.950.000	9.950.000		9.950.000
Máy phòng Quân sự	2018			1		100	8.500.000	8.500.000		8.500.000
Tổng cộng				37	21.589,55		35.052.174.489	35.052.174.489		28.407.242.587

Người lập biểu

Chức danh kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 03 năm 2022

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Thị Thu Giang

Cao Thị Thu Giang

Nguyễn Văn Đông

Bộ, ngành, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Tên đơn vị: UBND Xã Phúc Xuân
Mã đơn vị: T55046039



Biểu số :01B-ĐK/TSNN

BÁO CÁO HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG NHÀ, ĐẤT CỦA ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG

Thời điểm báo cáo: 31/12/2021

Chi tiết tài sản đến bậc: 6

DVT cho: Diện tích đất là: m²; Diện tích nhà là: m²; Số lượng là: Cái/ Chiếc; Giá trị là: Đồng.

Tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Cấp nhà	Số tầng	Diện tích	Hiện trạng sử dụng						
					Trụ sở làm việc	Sử dụng khác					
						Cơ sở HDSN	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Khác
Đất				8.947,00	500,50						8.446,50
Đất trụ sở				8.947,00	500,50						8.446,50
Đất	2013	Đất trụ sở		8.947,00	500,50						8.446,50
Nhà, công trình xây dựng				1.372,55	1.072,55						300,00
Nhà cấp IV				1.372,55	1.072,55						300,00
Nhà tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ	2009	Nhà cấp IV	1	40,00	40,00						
Nhà vệ sinh trụ sở UBND xã	2008	Nhà cấp IV	1	31,55	31,55						
Nhà làm việc, hội trường 2 tầng UBND xã	2008	Nhà cấp IV	2	500,00	500,00						
Nhà văn hóa và khu thể thao xã Phúc Xuân, TP Thái Nguyên	2019	Nhà cấp IV	1	300,00							300,00
Nhà A	1996	Nhà cấp IV	2	501,00	501,00						
Tổng cộng				10.319,55	1.573,05	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	8.746,50

Ngày 20 tháng 03 năm 2022

Chức danh người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chức danh kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chức danh thủ trưởng đơn vị
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Cao Thị Thu Giang

Cao Thị Thu Giang

Nguyễn Văn Đông

Bộ, ngành, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Tên đơn vị: UBND Xã Phúc Xuân
Mã đơn vị: T55046039



Biểu số 01D - ĐK/TSNN

BÁO CÁO TĂNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG

Kỳ báo cáo : Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

Chi tiết tài sản đến bậc : 6;

Lý do tăng :

DVT cho: Diện tích đất là: m²; Diện tích nhà là: m²; Số lượng là: Cái/ Chiếc; Giá trị là: Đồng

Tài sản	Mã số	Năm đưa vào sử dụng	Cấp nhà hoặc số chỗ ngồi, tải trọng hoặc thông số kỹ thuật	Số lượng tài sản	Diện tích	Tỷ lệ chất lượng còn lại(%)	Nguyên giá		Giá trị còn lại	
							Tổng cộng	Trong đó		
								Ngân sách		Nguồn khác
Vật kiến trúc	3			1			5.590.809.999	5.590.809.999	5.031.728.999	
Các vật kiến trúc khác	304			1			5.590.809.999	5.590.809.999	5.031.728.999	
Đường bê tông xi măng xã Phúc Xuân năm 2019:Hạng mục xóm Đồng Kiệm, Xuân Hòa, Núi Nền, Cây Thị, Đồng Lạnh, Khuôn Năm	T55046039-304-61	2021	Các vật kiến trúc khác	1		90	5.590.809.999	5.590.809.999	5.031.728.999	
Máy móc, thiết bị	6			2			33.980.000	33.980.000	27.184.000	
Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến	601			2			33.980.000	33.980.000	27.184.000	
Máy vi tính để bàn	60101			1			12.500.000	12.500.000	10.000.000	
Xã Phúc Xuân - Thành phố Thái Nguyên	T55046039-60101-62	2021	Máy vi tính để bàn	1		80	12.500.000	12.500.000	10.000.000	
Máy scan	60112			1			21.480.000	21.480.000	17.184.000	
Máy scan	T55046039-60112-63	2021	Máy scan	1		80	21.480.000	21.480.000	17.184.000	
Tổng cộng				3			5.624.789.999	5.624.789.999	5.058.912.999	

Chức danh người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Cao Thị Thu Giang

Chức danh kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Cao Thị Thu Giang

Ngày 20 tháng 03 năm 2022
Chức danh thủ trưởng đơn vị
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Văn Đông

Bộ ngành, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên

Tên đơn vị: UBND Xã Phúc Xuân

Mã đơn vị: T55046039

Biểu số: 01F-ĐK/TSNN



BÁO CÁO HAO MÒN TÀI SẢN NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG

(Áp dụng cho tài sản không phải là đất)

Hao mòn năm: 2021

Chi tiết tài sản đến bậc: 6

ĐVT cho cột giá trị là: Đồng

Tài sản	Mã số	Số hao mòn trong năm	Lũy kế hao mòn	Ghi chú
Nhà, công trình xây dựng	2	382.141.575	2.422.092.365	
Nhà cấp IV	205	382.141.575	2.422.092.365	
Nhà làm việc, hội trường 2 tầng UBND xã	T55046039-205-12	80.061.611	1.022.556.016	
Nhà tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ	T55046039-205-14	17.942.033	213.017.932	
Nhà văn hóa và khu thể thao xã Phúc Xuân, TP Thái Nguyên	T55046039-205-55	278.308.218	834.924.653	
Nhà vệ sinh trụ sở UBND xã	T55046039-205-15	5.829.713	74.457.764	
Nhà A	T55046039-205-13		277.136.000	Lũy kế hao mòn đã bằng nguyên giá
Vật kiến trúc	3	1.582.044.949	4.033.941.538	
Kè, đập, đê, cống, kênh, mương máng, bến cảng, ụ tàu	302	17.334.000	52.002.000	
Kênh mương dẫn nước nội đồng xã Phúc Xuân hạng mục Xóm Cao Khánh, Độc Lầy	T55046039-302-54	17.334.000	52.002.000	
Giếng khoan, giếng đào, tường rào	303	238.659.503	715.978.508	
Xây dựng hàng rào, sân bê tông, kè đá, đường vào trung tâm thể thao nhà văn hoá xã Phúc Xuân	T55046039-303-52	238.659.503	715.978.508	
Các vật kiến trúc khác	304	1.326.051.447	3.265.961.031	
Trụ sở nhà để xe	T55046039-304-10	10.100.000	80.800.000	
Đường bê tông xã Phúc Xuân hạng mục xóm Đồng Lạnh- Độc Lầy	T55046039-304-56	627.234.377	1.881.703.131	

Đường bê tông xi măng xã Phúc Xuân năm 2019:Hạng mục xóm Đông Kiệm, Xuân Hòa, Núi Nền, Cây Thi, Đồng Lanh, Khuôn Năm	T55046039-304-61		559.081.000	559.081.000	
Sân vận động	T55046039-304-8			74.400.000	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
Sân, công hàng rào UBND	T55046039-304-9		40.152.670	401.526.700	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
Đường bê tông xi măng xã Phúc Xuân hạng mục xóm Đông Kiệm - Núi Nền	T55046039-304-53		89.483.400	268.450.200	
Máy móc, thiết bị	6		37.881.000	184.098.000	
Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến	601		29.101.000	160.978.000	
Máy vi tính để bàn	60101		22.930.000	127.182.000	
Máy vi tính	T55046039-60101-49		2.638.000	7.914.000	
Xã Phúc Xuân - Thành phố Thái Nguyên	T55046039-60101-62		2.500.000	2.500.000	
Bộ máy vi tính	T55046039-60101-48		2.638.000	7.914.000	
Bộ máy tính phục vụ công tác Đảng	T55046039-501-31		2.620.000	13.100.000	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
Máy tính xách tay	T55046039-501-5			39.900.000	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
Bộ máy tính	T55046039-60101-60		2.300.000	4.600.000	
Bộ máy tính	T55046039-60101-59		2.300.000	4.600.000	
Máy vi tính xách tay ASUS	T55046039-501-7			12.260.000	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
Máy vi tính để bàn	T55046039-60101-50		2.638.000	7.914.000	
Máy vi tính để bàn công an xã	T55046039-501-32		2.676.000	13.380.000	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
Bộ máy tính phục vụ công tác Đảng	T55046039-501-38		2.620.000	13.100.000	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
Bộ bàn ghế ngồi làm việc trang bị cho các chức danh	60108			5.000.000	
ghế xoay thủy lực	T55046039-521-4			5.000.000	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
Bộ bàn ghế tiếp khách	60109		1.875.000	12.500.000	
Bàn ghế giả Đồng Ky	T55046039-522-11			5.000.000	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
Bộ bàn ghế tiếp khách(1 cửa)	T55046039-60109-41		1.875.000	7.500.000	
Bàn ghế họp	60110			12.000.000	
Bàn phòng họp hội trường hình Elip	T55046039-523-2			12.000.000	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
Máy scan	60112		4.296.000	4.296.000	
Máy scan	T55046039-60112-63		4.296.000	4.296.000	



Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị	602	8.780.000	23.120.000
Máy móc, thiết bị khác phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị	60202	8.780.000	23.120.000
Máy chiếu	6020201	2.780.000	11.120.000
Máy chiếu	T55046039-6020201-42	2.780.000	11.120.000
Thiết bị âm thanh	6020207	6.000.000	12.000.000
Bộ âm ly loa đài	T55046039-6020207-57	6.000.000	12.000.000
Tài sản cố định vô hình	12	2.400.000	4.800.000
Phần mềm tin học	1204	2.400.000	4.800.000
Phần mềm quản lý ngân sách dự án đầu tư Pabmis	T55046039-1204-58	2.400.000	4.800.000
TỔNG CỘNG		2.004.467.524	6.644.931.902

Ngày 20 tháng 03 năm 2022

Chức danh người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chức danh kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chức danh thủ trưởng đơn vị
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Cao Thị Thu Giang

Cao Thị Thu Giang

Nguyễn Văn Đông